

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

Trình độ:

Tiến sĩ

Mã số:

9140114

Thanh Hóa, tháng 11 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin về chương trình đào tạo

| | |
|------------------------------------|--|
| Tên chương trình (tiếng Việt) | Quản lý giáo dục |
| Tên chương trình (tiếng Anh) | Educational management |
| Trình độ đào tạo | Tiến sĩ |
| Mã chuyên ngành đào tạo | 9140114 |
| Khoa/Bộ môn quản lý chương trình | Khoa Tâm lý Giáo dục, Bộ môn Giáo dục học |
| Đối tượng tuyển sinh | Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| Hình thức tuyển sinh | Kết hợp xét tuyển và thi tuyển/Thi tuyển/Xét tuyển |
| Thời gian đào tạo | - Từ 36 tháng đến 60 tháng với người đã có bằng thạc sĩ - Từ 36 tháng đến 72 tháng với người chưa có bằng thạc sĩ |
| Hình thức đào tạo | Chính quy |
| Số tín chỉ yêu cầu | - 90 TC với người đã có bằng thạc sĩ - 120 TC với người chưa có bằng thạc sĩ |
| Điều kiện tốt nghiệp | Hoàn thành các học phần đáp ứng CDR của CTĐT và bảo vệ thành công luận án |
| Tên gọi văn bằng tốt nghiệp | Tiến sĩ Quản lý giáo dục /Doctor of Philosophy in Educational management |
| Vị trí làm việc | Nghiên cứu sinh tốt nghiệp ngành Quản lý giáo dục có thể công tác với tư cách là nhà nghiên cứu độc lập, nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên tại các trường Đại học, Cao đẳng và Viện nghiên cứu; Giảng viên, chuyên viên các trường cao đẳng, đại học; giáo viên các trường phổ thông; chuyên viên các Sở Giáo dục và cán bộ nghiên cứu về Giáo dục học, Quản lý giáo dục trong nước và nước ngoài. |
| Khả năng học tập nâng cao trình độ | Sau tiến sĩ ở trong và ngoài nước |
| Chương trình tham khảo | Đại học sư phạm Hà Nội, Học viện Quản lý giáo dục, Đại học sư phạm 2, ĐH Giáo dục (ĐH Quốc Gia Hà Nội), ĐH De La Salle (Philippine), ĐH Bolton (Anh) |

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ Quản lý giáo dục có kiến thức lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về khoa học Quản lý giáo dục (QLGD) và năng lực ứng dụng để giải quyết các vấn đề lý luận, thực tế QLGD đặt ra; Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện những vấn đề mới trong khoa học giáo dục và QLGD; Hướng dẫn NCKH và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QLGD gắn với bối cảnh hội nhập quốc tế và năng lực QLGD số để hướng dẫn nghiên cứu khoa học và dẫn dắt chuyên môn trong cả nước và quốc tế.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 Có kiến thức thực tế và lý thuyết cốt lõi nền tảng về lý thuyết quản lý hiện đại trong QLGD gắn với bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục, mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD;

PO2. Có kỹ năng ứng dụng lý thuyết cốt lõi, nền tảng về QLGD phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học để giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý và nghiên cứu khoa học QLGD một cách độc lập, sáng tạo; Có kỹ năng ứng dụng lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về QLGD; phát triển chương trình giáo dục; quản lý giáo dục số để phát triển những tri thức mới về quản lý, nghiên cứu khoa học QLGD và điều hành chuyên môn, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra;

PO3. Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học và dẫn dắt chuyên môn, tư vấn chính sách với tinh thần tự chủ và trách nhiệm cao.

2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành CTĐT, tiến sĩ QLGD đạt được các chuẩn đầu ra sau:

* Kiến thức

PLO1. Vận dụng được kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD trong nghiên cứu học thuật và phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD; **xây dựng văn hóa tổ chức.**

PLO2. Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục; mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD

PLO3. Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD hiện đại gắn với bối cảnh hội nhập trong thực tiễn nghề nghiệp.

* Kỹ năng

PLO4. Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD; Kỹ năng tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên

môn; Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD; đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo ...

PLO5. **Phân tích** được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục; **phát triển chương trình giáo dục hiện đại**.

PLO6. **Vận dụng** được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia; Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD; **xây dựng văn hóa tổ chức**.

* *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

PLO7. Tổ chức được hoạt động nghiên cứu **độc lập, sáng tạo** để phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm.

PLO8. Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, thái độ cầu thị, khiêm nhường, hợp tác, cẩn thận trong học tập. Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu.

Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PI là tập hợp con của PLO

| PLO_m | Nội dung PLO_m | PI_m | Nội dung PI_m |
|------------------------|--|-----------------------|---|
| PLO1 | Vận dụng được kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD trong nghiên cứu học thuật và phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD; | PI1.1 | Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD trong nghiên cứu học thuật |
| | | PI1.2 | Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD để phát triển nguyên lý, nội dung lý thuyết của chuyên ngành QLGD |
| | | PI1.3 | Vận dụng các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc khoa học QLGD để quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD; xây dựng văn hóa tổ chức |
| PLO2 | Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục; mô hình quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học QLGD | PI2.1 | Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục; |
| | | PI2.2 | Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về mô hình quản lý chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục |
| | | PI2.3 | Phân tích được những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về nghiên cứu khoa học QLGD |

| | | | |
|------|---|-------|---|
| PLO3 | Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD hiện đại gắn với bối cảnh hội nhập trong thực tiễn nghề nghiệp; | PI3.1 | Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD trong bối cảnh hội nhập quốc tế |
| | | PI3.2 | Đánh giá được kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học QLGD trong hoạt động nghề nghiệp |
| PLO4 | Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD; tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực QLGD; Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD; đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong quản lý chuyên môn và QLGD. | PI4.1 | Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học QLGD; |
| | | PI4.2 | Tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực QLGD |
| | | PI4.3 | Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề trong khoa học giáo dục và QLGD; |
| | | PI4.4 | Có khả năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong quản lý chuyên môn và QLGD. |
| PLO5 | Phân tích được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục | PI5.1 | Phân tích được các vấn đề lý luận, thực tiễn về khoa học QLGD để đưa ra hướng xử lý một cách sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; |
| | | PI5.2 | Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ sở giáo dục |
| PLO6 | Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia; Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD | PI6.1 | Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về khoa học QLGD hiện đại để tư vấn, dẫn dắt đồng nghiệp, tư vấn chính sách trong QLGD và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia; |
| | | PI6.2 | Thiết lập được các mối quan hệ với các nhà khoa học trong nước, quốc tế để thảo luận những vấn đề mới về chuyên môn và phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học QLGD; xây dựng văn hóa tổ chức |
| PLO7 | Tổ chức được hoạt động nghiên cứu độc lập, sáng tạo để phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm. | PI7.1 | Tổ chức được hoạt động nghiên cứu một cách tự chủ và trách nhiệm. |
| | | PI7.2 | Tổ chức phát triển tri thức chuyên môn một cách tự chủ và trách nhiệm |

| | | | |
|------|---|-------|---|
| PL08 | Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, thái độ cầu thị, khiêm nhường, hợp tác, cẩn thận trong học tập. Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu | PI8.1 | Có phong cách làm việc cầu thị, rõ ràng với đồng nghiệp và nhóm nghiên cứu, sẵn sàng hợp tác chia sẻ các chủ đề nghiên cứu |
| | | PI8.2 | Tuân thủ các quy tắc nghiên cứu trong nước và quốc tế; đạo đức quy định trích dẫn; tính bảo mật và quyền riêng tư của cá nhân tham gia nghiên cứu |

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

| TT | Khối kiến thức, số tín chỉ (TC) | Loại học phần | Số tín chỉ |
|---|--|---------------|------------|
| 1 | Khối kiến thức cơ sở: 07TC | Bắt buộc | 07 |
| | | Tự chọn | 0 |
| 2 | Kiến thức chuyên ngành: 03TC | Bắt buộc | 0 |
| | | Tự chọn | 03 |
| 3 | Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ | Bắt buộc | 08 (2+6) |
| 4 | Luận án tiến sĩ | Bắt buộc | 72 |
| Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 90 TC | | | |

| TT | Mã học | Tên học phần | Số | Tổng giờ tín chỉ | | | | Học | Bộ môn |
|----------|--------|--|-----------|------------------|----|-------------|-----|--------------|--------|
| 2 | | Các học phần ở trình độ tiến sĩ | 10 | | | | | | |
| | | <i>Học phần bắt buộc</i> | | | | | | | |
| 2.1 | 9GD211 | Quản lý giáo dục trong <i>bối cảnh hiện nay</i> | 3 | 30 | 20 | 10 | 135 | 1 | GDH |
| 2.2 | 9GD212 | Tổ chức nghiên cứu khoa học QLGD | 4 | 40 | 30 | 10 | 180 | 2 | GDH |
| 2.3 | | <i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3)</i> | 3 | | | | | | |
| 2.3.1 | 9GD213 | Phát triển và quản lý chương trình giáo dục hiện đại | 3 | 30 | 20 | 10 | 135 | 2 | GDH |
| 2.3.2 | 9GD214 | Quản lý chất lượng giáo dục | 3 | 30 | 20 | 10 | 135 | 2 | GDH |
| 2.3.3 | 9GD215 | Xây dựng văn hóa tổ chức | 3 | 30 | 20 | 10 | 135 | 2 | GDH |
| 3 | | Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan | 8 | | | | | | |
| 3.1 | | <i>Tiểu luận tổng quan</i> | 2 | | | 60 | | 3 | GDH |
| 3.2 | | <i>Các chuyên đề tiến sĩ</i> | 6 | | | | | | GDH |
| | 9CĐ201 | Chuyên đề 1 | 2 | | | 60 | | 3 | |
| | 9CĐ202 | Chuyên đề 2 | 2 | | | 60 | | 3 | |
| | 9CĐ203 | Chuyên đề 3 | 2 | | | 60 | | 3 | |
| 4 | | Luận án tiến sĩ | 72 | | | 2160 | | 4,5,6 | GDH |
| | | Tổng số | 90 | | | | | | |

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (ban hành theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021), chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo bao gồm người có bằng tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

3.1. Danh sách Bằng thạc sĩ ngành phù hợp

Thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục được qui định tại *Thông tư 09/2022/TT - BGDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*. Cụ thể:

| TT | Ngành | Mã ngành |
|----|--|-------------------|
| 1 | Giáo dục học; | Mã ngành: 8140101 |
| 2 | Lý luận và phương pháp dạy học | Mã ngành: 8140110 |
| 3 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn | Mã ngành: 8140111 |
| 4 | Giáo dục và phát triển cộng đồng | Mã ngành: 8140113 |
| 5 | Đo lường và đánh giá trong giáo dục | Mã ngành: 8140115 |
| 6 | Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy | Mã ngành: 8140116 |
| 7 | Giáo dục quốc tế và so sánh | Mã ngành: 8140117 |
| 8 | Giáo dục đặc biệt | Mã ngành: 8140118 |

3.2. Danh mục Bằng thạc sĩ ngành chưa phù hợp

Các ngành còn lại được qui định tại *Thông tư 09/2022/TT - BGDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học*

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức quyết định.

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên đủ điều kiện giảng dạy và hướng dẫn

| Chức danh/Trình độ | Nam | Nữ | Tổng |
|----------------------|-----|----|------|
| Phó Giáo sư, tiến sĩ | 01 | 02 | 03 |
| Tiến sĩ | 01 | 02 | 06 |
| Tổng cộng: | 6 | | |

Cụ thể:

| STT | Tên giảng viên | Học hàm, học vị | Đơn vị |
|-----|-------------------|-----------------|-------------------------|
| 1 | Hoàng Thị Mai | PGS, TS | Trường Đại học Hồng Đức |
| 2 | Nguyễn Thị Hà Lan | PGS, TS | Trường Đại học Hồng Đức |

| STT | Tên giảng viên | Học hàm, học vị | Đơn vị |
|-----|------------------|-----------------|-------------------------|
| 3 | Nguyễn Hữu Hậu | PGS, TS | Trường Đại học Hồng Đức |
| 4 | Lê Thị Thu Hà | TS | Trường Đại học Hồng Đức |
| 5 | Nguyễn Thị Thanh | TS | Trường Đại học Hồng Đức |
| 6 | Lê Minh Hiền | TS | Trường Đại học Hồng Đức |

4.2. Phòng học

- Hệ thống phòng học tại các giảng đường: Hệ thống phòng học phục vụ công tác dạy học được trang bị đồng bộ, hiện đại với đầy đủ trang thiết bị như: máy chiếu, màn hình, bảng viết, bàn ghế, quạt...

- Các phòng học máy tính được trang bị đầy đủ máy tính với các phần mềm chuyên môn phục vụ việc học và thực hành; Phòng tự học, phòng thảo luận tại Trung tâm thư viện cũng được trang bị máy tính có kết nối internet, wifi...

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng

Để đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT cần trang bị hệ thống phòng học được trang bị máy chiếu, loa mic và các điều kiện cần thiết cho dạy và học.

Hiện tại nhà trường đã trang bị hệ thống phòng học hiện đại, có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu, hệ thống máy chủ đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo.

Thư viện

Thư viện nhà trường có diện tích 5166m², được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện. Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại.

Năm 2021, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho các nghiên cứu sinh ngành KHMT.

Nhà trường có thư viện truyền thống, thư viện điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định. Website của Trung tâm Thông tin thư viện nhà trường <http://tppv.hdu.edu.vn/>

Ngoài ra Nhà trường còn hợp tác với các nguồn dữ liệu số trong nước và quốc tế có phong nguồn tài liệu số phục vụ quá trình đào tạo, CBGV, người học có thể truy cập tài liệu từ các nguồn:

Thư viện điện tử nước ngoài từ 5 nguồn

1. <https://www.sciencedirect.com/>
2. <https://journals.sagepub.com/>
3. <https://www.emerald.com/insight/>
4. <https://portal.igpublish.com/iglibrary/>
5. <https://link.springer.com/>

Thư viện số trong nước từ 5 nguồn

1. Thư viện số Trường ĐH Hồng Đức: <http://thuvienso.hdu.edu.vn/>
2. Trung tâm Tri thức số: <http://digitalknowledgehub.nala.edu.vn/>
3. Trung tâm số Đại học Thái Nguyên: <http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/>
4. Thư viện số Trường ĐH Hải Phòng: <http://lib.dhhp.edu.vn/>
5. Trung tâm Thư viện và Tri thức số Đại học Quốc Gia Hà Nội:
<https://repository.vnu.edu.vn/>

4.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan

| STT | Cơ quan | Địa điểm |
|-----|-------------------------------|----------------|
| 1 | Các trường mầm non, phổ thông | Tỉnh Thanh Hóa |
| 2 | Các trường mầm non, phổ thông | TP Hà Nội |
| 3 | Các trường Đại học | TP Hà Nội |
| 4 | Các trường Đại học | TP Hồ Chí Minh |
| 5 | Viện nghiên cứu giáo dục | Hà Nội |
| 6 | Viện nghiên cứu giáo dục | TP HCM |
| 7 | Học viện QLGD | Hà Nội |
| 8 | Học viện QLGD | TP HCM |

V. Đề cương học phần

5.1. Nhóm ngành chưa phù hợp

Đối với học viên chưa có bằng thạc sĩ

Căn cứ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (ban hành theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021), chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo gồm người có bằng tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành

phù hợp. Các học phần bổ sung tuân thủ theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021.

Đối với học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành khác và có bằng đại học ngành đúng/phù hợp/gần

Học bổ sung 5 học phần (15 TC) thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD tính hiện hành cụ thể là:

- Khoa học tổ chức và quản lý
- Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD
- Tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục
- Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục
- Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường

Đề cương học phần của các học phần này được đính kèm theo phụ lục kèm theo thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD hiện hành (*Phụ lục 1 kèm theo*).

5.2. Nhóm ngành phù hợp

Không phải học bổ sung

6. Đề cương học phần chương trình đào tạo tiến sĩ

9GD211. QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY/ Educational management in the **current context**

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)
- Mã học phần: 9GD211
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần phân tích các tác động của bối cảnh hiện nay như đổi **mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số**; Đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo giáo dục, yêu cầu nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo giáo dục (ở cả cấp độ hệ thống và cấp độ cơ sở giáo dục) **theo bối cảnh hiện nay**.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu, phân tích được những tác động của **bối cảnh hiện nay như đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số** đến QLGD, đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo.

CO2: Người học hình thành tư duy và năng lực quản lý và lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục phù hợp với **bối cảnh hiện nay**.

CO3: Hình thành phẩm chất, phong cách quản lý và lãnh đạo phù hợp với **bối cảnh hiện nay**.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Hiểu được và giải thích được những tác động của **bối cảnh hiện nay như đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số** đến đổi mới mô hình và phương pháp quản lý và lãnh đạo giáo dục QLGD.

CLO2: Xác định được các yêu cầu đối với người quản lý và lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục **phù hợp với bối cảnh hiện nay**.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Vận dụng những tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế để hoạch định và tổ chức điều hành cơ sở giáo dục đạt hiệu quả

CLO4: Có năng lực tổ chức, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục giáo dục theo **yêu cầu đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số**

3.3. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CLO5: Luôn chịu trách nhiệm giải trình xã hội trong thực thi nhiệm vụ quản lý và lãnh đạo

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Bối cảnh hiện nay và những thách thức đối với giáo dục ở Việt Nam 24 (12LT, 12BT, TL 0TH)

1. Bối cảnh hiện nay

1.1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và nền kinh tế tri thức (The Knowledge Economy)

1.2. **Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo**

1.3. **Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế**

1.4. **Xu thế chuyển đổi số trong giáo dục**

1.5. Xu thế xây dựng xã hội học tập

2. Những thách thức đối với GD Việt Nam hiện nay

Chương 2: Những vấn đề đặt ra cho quản lý và lãnh đạo nhà trường ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

36 (18LT, 8BT, TL 1 0TH)

2.1. Yêu cầu về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của người quản lý và lãnh đạo trường học

2.2. Yêu cầu về các năng lực quản lý và lãnh đạo trường học trong bối cảnh hiện nay

2.2.1. Năng lực xây dựng chiến lược phát triển nhà trường để hoàn thành mục tiêu và sứ mệnh

2.2.2. Năng lực giám sát đánh giá tiến độ thực hiện mục tiêu

2.2.3. Năng lực xây dựng và duy trì một môi trường giáo dục theo định hướng kết quả

2.2.4. Năng lực chỉ đạo chuyên môn

- 2.2.5. Năng lực định hướng các hoạt động của nhà trường vì sự tiến bộ của tất cả học sinh
- 2.2.6. Năng lực thiết lập và duy trì bầu không khí làm việc tích cực trong nhà trường
- 2.2.7. Năng lực đảm bảo một môi trường học tập an ninh, an toàn
- 2.2.8. Năng lực giám sát và đánh giá cán bộ
- 2.2.9. Năng lực thúc đẩy và chỉ đạo việc phát triển chuyên môn của cán bộ giáo viên
- 2.2.10. Năng lực khuyến khích giáo viên và những người khác làm lãnh đạo
- 2.2.11. Quản lý tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị
- 2.2.12. Năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin
- 2.2.13. Quản lý hành chính

2.3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của hiệu trưởng các trường có thành tích hoạt động tốt trong nhiều hoàn cảnh (theo McBer)

- 2.3.1. Tư duy phân tích
- 2.3.2. Thử thách và ủng hộ
- 2.3.3. Tự tin
- 2.3.4. Phát triển tiềm năng
- 2.3.5. Dẫn dắt quá trình đổi mới
- 2.3.6. Làm cho mọi người thấy được trách nhiệm.
- 2.3.7. Tác động và gây ảnh hưởng
- 2.3.8. Tìm kiếm thông tin
- 2.3.9. Sáng kiến
- 2.3.10. Chính trực
- 2.3.11. Niềm tin cá nhân
- 2.3.12. Tôn trọng những người khác
- 2.3.13. Suy nghĩ chiến lược
- 2.3.14. Làm việc theo nhóm
- 2.3.15. Lãnh đạo chuyển hoá
- 2.3.16. Hiểu biết về môi trường
- 2.3.17. Hiểu về những người khác

2.4. Liên hệ với thực tiễn đối với quản lý nhà trường nơi đang công tác

5. Hình thức dạy - học

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CĐR học phần | | | | |
|-------------------|----------------------------|------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |
| Thuyết trình | x | x | x | | |

| | | | | | |
|-----------------------|---|---|---|---|---|
| Vấn đáp | x | x | x | x | x |
| Tự học | x | x | x | x | x |
| Thảo luận | x | x | x | x | x |
| Thực hành | x | x | x | x | x |
| Hoạt động nhóm | x | x | x | x | x |
| Hướng dẫn | x | x | x | x | x |
| Nghiên cứu tình huống | x | x | x | x | x |
| Tham quan | | | | x | x |
| Chuyên đề | x | x | x | x | x |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| STT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|------------------------------|--|--|------------------|----------|
| Kiểm tra thường xuyên | | | | |
| 1 | Bài kiểm tra cá nhân | Rubric đánh giá bài tập cá nhân | CLO1- CLO5 | 30% |
| 2 | Bài tập nhóm | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO1- CLO5 | |
| Chuyên cần, tích cực | | | | |
| 1 | Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO5 | 20% |
| Thi cuối kì 50% | | | | |
| 1 | Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận | - Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận | CLO1-CLO5 | 50% |
| Thang điểm | | | | 10 |

7. Yêu cầu đối với người học

- Có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần : NCS phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập : NCS phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: NCS phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) 2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB ĐHSP
2. **Trần Kiểm (2016), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.**

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm.

9GD212. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ Organize scientific research on educational management

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)
- Mã học phần: 9GD212
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nhằm triển khai một cách chuyên sâu cách thức xây dựng một thiết kế nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh trong QLGD; các kiến thức liên quan đến việc tổ chức thực hiện một nghiên cứu định lượng cũng như các kỹ năng, kỹ thuật và kiến thức cần thiết để **thực hiện nghiên cứu độc lập** bằng phương pháp định tính và kết hợp định lượng. **Nội dung học phần sẽ tập trung hướng dẫn người học cách xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; hướng dẫn cách thức thiết kế một nghiên cứu định lượng, định tính và ứng dụng CNTT để xử lý, phân tích dữ liệu nghiên cứu; kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học QLGD. Hơn nữa, nghiên cứu sinh sẽ được trang bị các kỹ thuật và công cụ được sử dụng để thực hiện luận án, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực QLGD mà họ quan tâm.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu, vận dụng và phân tích được những nội dung về tổng quan

nghiên cứu khoa học QLGD, phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CO2: Người học có năng lực **xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; xây dựng được nghiên cứu khoa học độc lập và hoàn chỉnh nội dung nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu phù hợp.

CO3: Người học sử dụng được các phần mềm xử lý dữ liệu cơ bản và viết được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh liên quan đến đề tài nghiên cứu

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Hiểu được và giải thích được những nội dung về tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CLO2: **Nắm vững các cơ sở khoa học, thực tiễn** để xác định được các vấn đề nghiên cứu hợp lý, phương pháp nghiên cứu hợp lý với vấn đề nghiên cứu được lựa chọn.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Phân tích được các nội dung cơ bản trong việc thực hiện thiết kế nghiên cứu; trong quy trình nghiên cứu định tính, định lượng và kết hợp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học QLGD.

CLO4: Năng lực **xác định vấn đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học QLGD**; Lựa chọn, xây dựng được hợp lý các thiết kế nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp trong nghiên cứu.

CLO5: Sử dụng được các phần mềm xử lý dữ liệu cơ bản.

CLO6: Viết được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh liên quan đến đề tài nghiên cứu

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO7: Vận dụng những hiểu biết về môn học rèn luyện những phẩm chất và năng lực nghiên cứu khoa học QLGD;

CLO8: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong thực hiện nghiên cứu khoa học QLGD; Trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Những vấn đề chung về Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục
10 tiết (5LT, 5 TL - BT, 0TH)

1. Khái niệm cơ bản

2. Mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

3. Các hình thức nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

4. Đặc điểm, tình hình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

Chương 2: Đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và qui trình thực hiện đề tài

20 tiết (10 LT, 5 TL - BT, 5 TH)

1. Đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

1.1. Khái niệm

1.2. **Xác định vấn đề nghiên cứu**

1.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài

1.4. **Xác định câu hỏi nghiên cứu**

2. Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài nghiên cứu

2.2. Viết tổng quan nghiên cứu

2.2.1. *Mục đích của tổng quan nghiên cứu*

2.2.2. *Nội dung của tổng quan nghiên cứu*

2.2.3. *Kỹ thuật viết tổng quan nghiên cứu*

2.2.4. *Cấu trúc của tổng quan nghiên cứu*

2.2.5. *Lưu ý trích dẫn tài liệu và danh mục tài liệu*

2.3. Xây dựng đề cương

2.4. Triển khai nghiên cứu

- *Phần cơ sở lý luận của đề tài*

- *Phần cơ sở thực tiễn của đề tài*

- *Phần biện pháp/ giải pháp và thực nghiệm*

2.5. Viết báo cáo

2.6. Nghiệm thu và đánh giá

3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

3.1.1. *Phương pháp quan sát*

3.1.2. *Phương pháp phỏng vấn*

3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

3.2.1. *Phương pháp điều tra*

3.2.2. *Phương pháp thực nghiệm*

3.2.3. *Chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng*

3.2.4. *Các công cụ thu thập dữ liệu*

3.2.5. *Độ tin cậy của thang đo*

3.3. Xử lý số liệu định lượng bằng SPSS và một số phần mềm thống kê, phân tích

3.3.1. *Các tham số thống kê đo lường*

3.3.2. *So sánh trong nghiên cứu định lượng*

Chương 3: Kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục (6LT, 4 TL - BT, 0 TH)

I. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

1. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.
2. Kỹ thuật viết tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

II. Tổ chức đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục

1. Mục đích đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục.
2. Tiêu chuẩn đánh giá đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.
3. Các hình thức tổ chức đánh giá công trình nghiên cứu quản lý giáo dục.

Bài tập thực hành: Viết một tiêu luận nghiên cứu một vấn đề quản lý giáo dục.

5. Hình thức dạy - học

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CDR học phần | | | | | | | |
|-----------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 |
| Thuyết trình | x | x | x | | | | | |
| Vấn đáp | x | x | x | x | x | x | | |
| Tự học | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thảo luận | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thực hành | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Hoạt động nhóm | x | x | x | x | x | x | | |
| Hướng dẫn | x | x | x | x | x | x | | |
| Nghiên cứu tình huống | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Tham quan | | | | x | x | x | x | x |
| Chuyên đề | x | x | x | x | x | x | x | x |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| STT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|------------------------------|--|---|------------------|----------|
| Kiểm tra thường xuyên | | | | |
| 1 | Bài kiểm tra cá nhân | Rubric đánh giá bài tập cá nhân | CLO1- CLO6 | 30% |
| 2 | Bài tập nhóm | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO1- CLO6 | |
| Chuyên cần, tích cực | | | | |
| 1 | Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO8 | 20% |
| Thi cuối kì 50% | | | | |
| 1 | Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiêu luận | - Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá | CLO1-CLO8 | 50% |

| | | |
|-------------------|--------------------|----|
| | vấn đáp, tiểu luận | |
| Thang điểm | | 10 |

7. Yêu cầu đối với người học

- Có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: NCS phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: NCS phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: NCS phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Hiền (chủ biên), Phạm Ngọc Long, Ngô Thị Trang (2020), *Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

9GD213. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI/Modern curriculum/program development and management

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)
- Mã học phần: 9GD213.
- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần: Học phần phát triển và quản lý chương trình giáo dục hiện đại thuộc khối kiến thức tự chọn trong phần kiến thức chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Học phần gồm 3 chương, giới thiệu các vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục; các quan điểm tiếp cận phát triển chương trình hiện đại; nội dung quy trình phát triển chương trình giáo dục; nguyên tắc quản lý chương trình; nội dung quản lý chương trình giáo dục.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Học xong học phần NCS hiểu được hệ thống những tri thức cơ bản và chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại. Phân tích được các kỹ thuật cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục ở các bậc học, cấp học..

CO2: Phát triển được chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục cho một cấp học, bậc học hay một nhà trường cụ thể

CO3: Có thái độ học tập đúng đắn trong học tập môn học, rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề, rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Hiểu được hệ thống tri thức cơ bản và chuyên sâu về phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại.

CLO2: Phân tích được các kỹ thuật cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục hiện đại.

CLO3: Vận dụng quy trình phát triển chương trình giáo dục và quản lý chương trình giáo dục cho một cấp học, bậc học hay một nhà trường cụ thể.

CLO4: Học viên có thái độ học tập đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề. Rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 1.1. Khái niệm chung về chương trình
- 1.2. Chương trình giáo dục
- 1.3. Các quan điểm về phát triển chương trình giáo dục hiện đại

Chương 2: Phát triển chương trình giáo dục hiện đại

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 2.1. Phân cấp các loại chương trình trong giáo dục đào tạo
- 2.2. Các bước phát triển chương trình giáo dục
- 2.3. Thực hành phát triển chương trình giáo dục

Chương 3. Quản lý phát triển chương trình giáo dục hiện đại

(9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 3.1. Nguyên tắc cơ bản của quản lý phát triển chương trình giáo dục
- 3.2 Nội dung quản lý phát triển chương trình giáo dục
- 3.3. Các bước tổ chức thực hiện quản lý chương trình giáo dục

3.4. Vận dụng thực hành quản lý phát triển chương trình giáo dục

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như sau:

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CDR học phần | | | |
|-----------------------|----------------------------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 |
| Thuyết trình | x | x | | |
| Thảo luận, vấn đáp | x | x | x | x |
| Bài tập | x | x | x | x |
| Tự học | | x | x | x |
| Hướng dẫn | | x | x | x |
| Hoạt động nhóm | | x | x | x |
| Nghiên cứu tình huống | | x | x | x |
| Tiểu luận | | x | x | x |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| TT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|------------------------------|---|-------------------------------------|------------------|-----------|
| Kiểm tra thường xuyên | | | | |
| 1 | Kiểm tra viết | Rubric 1 bài thi viết | CLO1,2 | 30% |
| 2 | Báo cáo sản phẩm demo | Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo | CLO1,2,3,4 | |
| Đánh giá chuyên cần | | | | |
| | Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu | Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết | CLO4 | 20% |
| Thi cuối kì | | | | |
| | Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận | Theo đáp án, thang điểm đánh giá | CLO1,2,3,4 | 50% |
| Thang điểm | | | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết

học trên lớp.

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực thảo luận nhóm.

- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 2 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) 2015, *Phát triển và quản lý chương trình giáo dục*, NXB ĐHSP

10.2. Tài liệu tham khảo

. Nguyễn Đức Chính (2015), *Phát triển chương trình giáo dục*, Nxb Giáo dục.

9GD214. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC/ Educational quality management

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)

- Mã học phần: 9GD214

- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Chuyên đề trình bày một phương thức quản lý mới trong quản lý các cơ sở giáo dục cũng như quản lý các cá nhân hoạt động trong hệ thống giáo dục: quản lý chất lượng, hay quản lý bằng chuẩn.

Chuyên đề trình bày cơ sở lý luận của phương thức quản lý này, bắt đầu bằng khái niệm chất lượng, chất lượng trong giáo dục. Khái niệm này được luận giải từ nhiều góc độ khác nhau, trong đó có xem xét từ góc độ quản lý.

Khái niệm quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng ở các cấp độ khác nhau cũng được phân tích, giúp phân biệt hệ thống quản lý chất lượng với các hệ thống quản lý khác.

Chuyên đề giới thiệu một số bộ chuẩn đang được sử dụng để quản lý trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Sau khi kết thúc học phần, người học có thể xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng trong giáo dục nói riêng, phân biệt được phương thức quản lý chất lượng với phương thức quản lý truyền thống

CO2: Vận dụng xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tại cơ sở, tham gia quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục.

CO3: **Thái độ và trách nhiệm trong cải tiến chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục cũng như trong quản lý chất lượng giáo dục tại cơ sở công tác**

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1.1. Kiến thức:

CLO1: Xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng giáo dục nói riêng;

CLO2: Phân biệt được phương thức quản lý chất lượng với phương thức quản lý truyền thống;

CLO3: Xác định được các cấp độ trong quản lý chất lượng; mô tả và giải thích các mô hình quản lý chất lượng.

3.1.2. Kỹ năng:

CLO4: Xây dựng được hệ tham chiếu cho các bộ tiêu chuẩn hiện có (bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục, chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, chuẩn hiệu trưởng...)

CLO5: Thiết kế và vận hành được hệ thống quản lý chất lượng cho 1 cơ sở giáo dục.

CLO6: Tổ chức viết báo cáo tự đánh giá cho nhà trường và Tổ chức đón và tiếp đoàn đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng nhà trường.

3.1.3. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CLO7: Chấp nhận phương thức quản lý mới.

CLO8: Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong thực hiện quản lý chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; có thái độ nghiêm túc trong học tập để hình thành phẩm chất của nhà quản lý giáo dục

4. Nội dung học phần

Chương 1: Quản lý chất lượng 6 (3 LT, 3 BT, TL 0 TH?)

1. Quản lý chất lượng
2. Các cấp độ trong quản lý chất lượng

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| TT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|------------------------------|---|-------------------------------------|------------------|-----------|
| Kiểm tra thường xuyên | | | | |
| 1 | Kiểm tra viết | Rubric 1 bài thi viết | CLO1 -6 | 30% |
| 2 | Báo cáo sản phẩm demo | Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo | CLO1 -6 | |
| Đánh giá chuyên cần | | | | |
| | Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu | Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết | CLO8 | 20% |
| Thi cuối kì | | | | |
| | Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận | Theo đáp án, thang điểm đánh giá | CLO1-8 | 50% |
| Thang điểm | | | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực thảo luận nhóm.
- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 2 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở

thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Phạm Ngọc Long (chủ biên) (2021), Quản lý chất lượng giáo dục, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

2. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

Tài liệu tham khảo

Trần Kiểm (2015), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm.

9GD215. XÂY DỰNG VĂN HOÁ TỔ CHỨC/Build organizational culture

- Số tín chỉ: 03 (30 LT, 20 BT/TL, 10 TH)

- Mã học phần: 9GD215

- Bộ môn phụ trách học phần: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, cấu trúc và phân loại văn hoá tổ chức; các yếu tố tác động tới sự hình thành văn hoá tổ chức; quy trình xây dựng văn hoá tổ chức; tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi văn hoá tổ chức.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản về văn hoá tổ chức và sự hình thành văn hoá tổ chức; làm rõ được tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức và các nguyên tắc, quy trình thay đổi văn hoá tổ chức.

CO2: Có kỹ năng phân tích, đánh giá văn hoá tổ chức, ứng dụng lý thuyết về xây dựng văn hoá tổ chức trong thiết kế và thực thi văn hoá tổ chức trong thực tiễn.

CO3: Có thái độ tôn trọng các giá trị của tổ chức, chủ động, tích cực xây dựng văn hoá tổ chức phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Nhận thức rõ bản chất của văn hoá tổ chức và mối quan hệ của nó với các khía cạnh khác của tổ chức; phân tích được chức năng, cấu trúc của văn hoá tổ chức và các quan điểm phân loại văn hoá tổ chức.

CLO2: Phân tích được các yếu tố tác động đến sự hình thành văn hoá tổ chức và tính tất yếu của sự thay đổi văn hoá tổ chức; nắm vững các nguyên tắc, quy trình xây dựng và thay đổi văn hoá tổ chức.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Kỹ năng phân tích, đánh giá văn hoá tổ chức, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn xây dựng văn hoá tổ chức.

CLO4: Kỹ năng ứng dụng lý thuyết về xây dựng văn hoá tổ chức trong thiết kế và thực thi văn hoá tổ chức trong thực tiễn.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong xây dựng văn hoá tổ chức.

CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong xây dựng văn hoá tổ chức, tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi văn hoá tổ chức.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về văn hoá tổ chức (9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 1.1. Khái niệm văn hoá tổ chức
 - 1.1.1. Khái niệm văn hoá
 - 1.1.2. Khái niệm tổ chức
 - 1.1.3. Khái niệm văn hoá tổ chức
- 1.2. Đặc điểm của văn hoá tổ chức
 - 1.2.1. Văn hoá tổ chức mang đầy đủ các đặc điểm của văn hoá
 - 1.2.2. Văn hoá tổ chức có quan hệ chặt chẽ với các khía cạnh của tổ chức
- 1.3. Chức năng của văn hoá tổ chức
- 1.4. Cấu trúc văn hoá tổ chức
 - 1.4.1. Những yếu tố biểu hiện chủ yếu
 - 1.4.2. Hệ giá trị, chuẩn mực
 - 1.4.3. Hệ triết lý
- 1.5. Phân loại văn hoá tổ chức

Chương 2: Sự hình thành văn hoá tổ chức (9 LT, 12 BT, 0 TH)

- 2.1. Các yếu tố tác động tới sự hình thành văn hoá tổ chức
 - 2.1.1. Văn hoá dân tộc
 - 2.1.2. Người đứng đầu tổ chức
 - 2.1.3. Đặc điểm của tổ chức
 - 2.1.4. Môi trường hoạt động của tổ chức
- 2.2. Xây dựng văn hoá tổ chức
 - 2.2.1. Quy trình xây dựng văn hoá tổ chức
 - 2.2.2. Nguyên tắc xây dựng văn hoá tổ chức

2.2.3. Phương pháp xây dựng văn hoá tổ chức

Chương 3: Quản lý sự thay đổi văn hoá tổ chức (9LT, 12BT, 0TH)

3.1. Tính tất yếu của việc thay đổi văn hoá tổ chức

3.2. Quy trình thay đổi văn hoá tổ chức

3.3. Những rào cản trong quá trình xây dựng và thay đổi văn hoá tổ chức

3.4. Một số nguyên tắc trong thay đổi văn hoá tổ chức

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như sau:

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CDR học phần | | | | | |
|-----------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
| Thuyết trình | x | x | | | | |
| Thảo luận, vấn đáp | x | x | x | x | x | x |
| Bài tập | x | x | x | x | x | x |
| Tự học | x | x | x | x | x | x |
| Hướng dẫn | x | x | x | x | x | x |
| Hoạt động nhóm | x | x | x | x | x | x |
| Nghiên cứu tình huống | x | x | x | x | x | x |
| Tiểu luận | x | x | x | x | x | x |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| TT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|------------------------------|---|-------------------------------------|------------------|-----------|
| Kiểm tra thường xuyên | | | | |
| 1 | Kiểm tra viết | Rubric 1 bài thi viết | CLO1,2 | 30% |
| 2 | Báo cáo sản phẩm demo | Rubric 2 bài đánh giá sản phẩm demo | CLO1,2,3,4 | |
| Đánh giá chuyên cần | | | | |
| | Đi học chuyên cần, tích cực học tập và nghiên cứu | Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết | CLO5 | 20% |
| Thi cuối kì | | | | |
| | Tiểu luận và thuyết trình | Theo đáp án, thang điểm đánh giá | CLO1,2,3,4,5 | 50% |
| Thang điểm | | | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả học phần:

- Mức độ chuyên cần: Nghiên cứu sinh phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực thảo luận nhóm.

- Điểm thường xuyên: Phải có tối thiểu 02 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Nghiên cứu sinh phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa TLGD, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, phòng máy tính để thực hành, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Phòng học được trang bị điều hoà, quạt điện đầy đủ.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu chính

1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Anh Tài (2017), *Quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Trần Kiểm, (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

9CĐ201 Chuyên đề 1/ PhD Project

- Số Tín chỉ: 02 (0 LT, 0TL, 60 TH)

- Mã chuyên đề: 9CĐ201

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề

Chuyên đề 1 tập trung vận dụng kiến thức lý thuyết vào phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề thực tiễn tại các cơ sở giáo dục, từ đó giúp hiểu sâu sắc lý thuyết và chủ động trong hoạch định chiến lược, chính sách cũng như công tác điều hành.

2. Mục tiêu chuyên đề

CO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết vào phát hiện, phân tích và từng bước giải quyết được các vấn đề của thực tiễn giáo dục

CO2: Vận dụng được các phương pháp và công cụ phục vụ quá trình nghiên cứu thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra chuyên đề

CLO1: Người học rèn luyện khả năng tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu thực tiễn.

CLO2: Người học phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu thực tiễn trong tổ chức.

CLO3: Người học sử dụng được các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong những tình huống cụ thể.

CLO4: Người học rèn được tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

4. Nội dung chuyên đề

1. Chủ đề của các chuyên đề nghiên cứu (khuyến nghị)

- Quản lý nhân sự
- Quản trị nguồn lực
- Xây dựng chiến lược, chính sách
- Văn hoá tổ chức
- Quản trị chất lượng
- Quản trị hoạt động dạy học/ giáo dục trong các cơ sở giáo dục
- Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong giáo dục
- Quản lý ứng dụng CNTT trong xu thế chuyển đổi số
- Quản lý xã hội hóa giáo dục
- Quản lý chương trình đào tạo
- Quản lý chương trình giáo dục

2. Kết cấu chuyên đề

1. Phần mở đầu: Gồm tính cấp thiết của chuyên đề; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề

2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết
3. Phần 2: Phân tích, đánh giá các giải pháp
4. Phần 3: Đề xuất và triển khai giải pháp
5. Kết luận
6. Tài liệu tham khảo
7. Phụ lục

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CDR học phần | | | |
|----------------------------|----------------------------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 |
| Tự học, tự nghiên cứu | ✓ | ✓ | | ✓ |
| Thảo luận | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chuyên đề | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Trình bày bảo vệ chuyên đề | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| TT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|-------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|-----------|
| 1 | Tiến độ và chuyên cần | Tiến độ và chuyên cần | CLO4 | 20% |
| 2 | Chuyên đề | Rubric chuyên đề | CLO1,2,3,4 | 50% |
| 3 | Bảo vệ chuyên đề | Rubric bảo vệ chuyên đề | CLO1,2,3,4 | 30% |
| Thang điểm | | | | 10 |

Rubric chuyên đề

| C á u t r ú c | Nội dung/hình thức | Đ i ể m t ổ i đ a |
|---------------------------------|--|---|
| Đ ã | Nêu khái quát lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề (Độ dài 2 - 3 trang) | 1 , |

| | | |
|---|--|-------------|
| t v ấ n đ ề | | 0 |
| P h à n 1 : C o s ở l ý t h u y ế t | Nêu đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của chuyên đề (đặc biệt là lý thuyết gốc) | 1 , 0 |
| P h à n 2 : P h â n t í c h , đ á n h g i á c á c | Trình bày, phân tích, đánh giá được các giải pháp kỹ thuật chính hiện có để giải quyết vấn đề chuyên đề đặt ra | 3 , 0 |

| | | |
|--|--|-------------|
| g i à i p h á p | | |
| P h à n 3 : Đ ề x u á t v à tr i ể n k h a i g i ả i p h á p . | Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó đề xuất được giải pháp kỹ thuật phù hợp với bài toán. Triển khai, mô phỏng, đánh giá được ưu nhược điểm khi áp dụng giải pháp | 4 , 0 |
| K ế t l u ậ n | Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong chuyên đề | 0 , 5 |
| T à | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu | 0 , |

| | | |
|---|--|------------------|
| i l i ê u t h a m k h ả o | tham khảo đã nêu trên | 2 5 |
| H ì n h t h ứ c | Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định | 0 , 2 5 |
| Tổng điểm | | 1 0 |

Rubric bảo vệ trước hội đồng

| Cấu trúc | Nội dung/hình thức | Điểm tối đa |
|---|--|-------------|
| Đặt vấn đề | Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu | 1,0 |
| Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu | Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học | 3,0 |
| Trả lời câu hỏi của hội đồng | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên | 4,0 |
| Hình thức, tác phong, thời gian trình bày | Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong khoảng 15-20 phút | 2,0 |
| Tổng điểm | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả chuyên đề:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm tiểu luận đạt từ 5 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm chuyên đề của Trường ĐH Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

9CD202, 9CD203 Chuyên đề 2,3/ PhD Project 2,3

- Số Tín chỉ: 02 (0 LT, 0TL, 60 TH)
- Mã chuyên đề: **9CD202, 9CD203**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến hướng nghiên cứu chuyên sâu của đề tài luận án, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu từ đó luận giải đề xuất được các giải pháp liên quan đến vấn đề nghiên cứu luận án.

CO2: Phát hiện, phân tích và từng bước giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra.

CO3: Làm chủ được các phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu

3. Chuẩn đầu ra của chuyên đề

CLO1: Người học nghiên cứu, cập nhật và hiểu sâu sắc được các kiến thức mới nhất liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

CLO2: Người học rèn luyện khả năng tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu liên quan đến luận án tiến sĩ từ đó so sánh đánh giá và hình thành nên các khái niệm nghiên cứu, khung nghiên cứu của luận án.

CLO3: Người học phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra trong mỗi chuyên đề.

CLO4: Người học thành thạo các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong những tình huống cụ thể.

CLO5: Người học rèn luyện được tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

4. Nội dung chuyên đề

1. Chủ đề của các chuyên đề nghiên cứu gồm: (khuyến nghị)

- Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về vấn đề nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Kết quả nghiên cứu

2. Kết cấu chuyên đề

1. Phần mở đầu: Gồm tính cấp thiết của chuyên đề; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề

2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết

3. Phần 2: Phân tích, đánh giá các giải pháp

4. Phần 3: Đề xuất và triển khai giải pháp

5. Kết luận

6. Tài liệu tham khảo

7. Phụ lục

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

| Hình thức dạy học | Liên quan đến CDR học phần | | | |
|-----------------------|----------------------------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 |
| Tự học, tự nghiên cứu | ✓ | ✓ | | ✓ |
| Thảo luận | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chuyên đề | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

| | | | | |
|----------------------------|---|---|---|---|
| Trình bày bảo vệ chuyên đề | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
|----------------------------|---|---|---|---|

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| TT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|-------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|-----------|
| 1 | Tiến độ và chuyên cần | Tiến độ và chuyên cần | CLO4 | 20% |
| 2 | Chuyên đề | Rubric chuyên đề | CLO1,2,3,4 | 50% |
| 3 | Bảo vệ chuyên đề | Rubric bảo vệ chuyên đề | CLO1,2,3,4 | 30% |
| Thang điểm | | | | 10 |

Rubric chuyên đề

| C á u t r ú c | Nội dung/hình thức | Đ i ể m t ổ i đ a |
|--|--|---|
| Đ ã t v ấ n đ ề | Nêu khái quát lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu của chuyên đề (Độ dài 2 - 3 trang) | 1 , 0 |
| P h ầ n 1 : C ơ s ở l ý t h | Nêu đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của chuyên đề (đặc biệt là lý thuyết gốc) | 1 , 0 |

| C á u t r ú c | Nội dung/hình thức | Đ i ể m t ổ i đ a |
|---|--|---|
| u y ê t | | |
| P h à n 2 : P h â n t í c h , đ á n h g i á c á c g i ả i p h á p | Trình bày, phân tích, đánh giá được các giải pháp kỹ thuật chính hiện có để giải quyết vấn đề chuyên đề đặt ra | 3 , 0 |
| P | Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó đề xuất được giải | 4 |

| C á u t r ú c | Nội dung/hình thức | Đ i ể m t ố i đ ã a |
|---|---|--|
| h à n 3 : Đ ề x u ấ t v à tr i ề n k h a i g i ả i p h á p . | pháp kỹ thuật phù hợp với bài toán. Triển khai, mô phỏng, đánh giá được ưu nhược điểm khi áp dụng giải pháp | , 0 |
| K é t l u ậ n | Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong chuyên đề | 0 , 5 |

| C á u t r ú c | Nội dung/hình thức | Đ i ể m t ó i đ à |
|---|--|---|
| T à i l i ệ u t h a m k h ả o | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên | 0 , 2 5 |
| H ì n h t h ứ c | Bài luận dài khoảng 30 - 40 trang, in trên khổ giấy trắng A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang, đóng bìa mềm, hình thức theo qui định | 0 , 2 5 |
| Tổng điểm | | 1 0 |

Rubric bảo vệ trước hội đồng

| Cấu trúc | Nội dung/hình thức | Điểm tối đa |
|---|--|----------------|
| Đặt vấn đề | Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu | 1,0 |
| Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu | Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học | 3,0 |
| Trả lời câu hỏi của hội đồng | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham | 4,0 |

| | | |
|---|---|-----------|
| | khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên | |
| Hình thức, tác phong, thời gian trình bày | Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong khoảng 15-20 phút | 2,0 |
| Tổng điểm | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả chuyên đề:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm tiểu luận đạt từ 5 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm chuyên đề của Trường ĐH Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

LA. Luận án tiến sĩ/ Doctoral Thesis/ PhD Thesis

- Số Tín chỉ: 72 (0 LT, 0TL, 2160TH)

- Mã học phần: LA

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và có ít nhất 2 bài báo được công bố trên tạp chí/hội nghị trong và ngoài nước.

1. Mô tả học phần

Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải

pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành QLGD

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học tổng hợp được các lý luận và thực tiễn chuyên sâu về vấn đề nghiên cứu từ đó có thể tự tin vận dụng vào trong thực tế công việc.

CO2: Phát hiện và đề xuất được các giải pháp thực tiễn cũng như những cơ sở lý thuyết tin cậy làm căn cứ cho các nghiên cứu và vận dụng tiếp theo.

CO3: Phát triển toàn diện năng lực nghiên cứu độc lập của NCS

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Thành thạo trong cập nhật, tổng hợp và đánh giá được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn mới nhất liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

CLO2: Chủ động và tự tin trong phát hiện, phân tích và giải quyết trọn vẹn các vấn đề nghiên cứu về QLGD từ đó hình thành tác phong và thói quen nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

CLO3: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ nghiên cứu trong lĩnh vực QLGD.

CLO4: Có tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng phân tích, khái quát hoá vấn đề nghiên cứu.

CLO5: Có đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu; Có khả năng hợp tác và dẫn dắt các nhóm nghiên cứu.

4. Nội dung và hình thức

Luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức” trong đó cần chú ý đến những yêu cầu và nội dung cụ thể sau.

4.1. Yêu cầu chung

a) Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

c) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Nhà trường (qua Bộ

môn và Phòng QLĐT Sau đại học) các văn bản của các thành viên chính trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ, nhận bằng tiến sĩ.

d) Nội dung chủ yếu và đóng góp quan trọng của luận án được đăng trong: kỷ yếu hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Trong các công bố trên, NCS phải là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ công trình khoa học; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của sách. Ngoài các yêu cầu trên, kết quả của luận án phải được chấp nhận công bố tối thiểu 01 bài trên Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức.

e) Yêu cầu tại điểm d khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

f) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

4.2. Nội dung bố cục luận án

1. Trang bìa (Mẫu 1).
2. Trang bìa phụ (Mẫu 2).
3. Lời cam đoan.
4. Mục lục (làm mục lục các nội dung của Luận án, chi tiết đến 3 chữ số).
5. Danh mục các chữ viết tắt (lập danh mục các từ viết tắt theo thứ tự ABC).
6. Danh mục bảng biểu (lập danh mục các bảng biểu theo trình tự xuất hiện trong Luận án).
7. Danh mục hình vẽ, đồ thị (lập danh mục các hình vẽ, đồ thị theo trình tự xuất hiện trong Luận án).
8. Mở đầu: tính cấp thiết của đề tài; mục đích; phương pháp nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.
9. Tổng quan tình hình nghiên cứu:
 - Phân tích đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết, những “khoảng trống” tri thức, làm cơ sở cho việc đặt ra các câu hỏi nghiên

cứu mà luận án cần tập trung giải quyết.

- Nội dung luận án: giới thiệu các chương của luận án.

10. Các Chương 1, 2, 3: trình bày kết quả nghiên cứu đạt được của luận án (cơ sở lí thuyết, lí luận, giả thiết khoa học, thực trạng và giải pháp đối với vấn đề nghiên cứu). Khuyến khích thực hiện đề tài luận án bằng các phương pháp đánh giá định lượng, trên cơ sở thông tin sơ cấp thu thập được từ phiếu khảo sát điều tra, phỏng vấn và phân tích đánh giá định lượng bằng các chương trình, phần mềm tin học.

11. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện; kiến nghị về những định hướng nghiên cứu có thể tiếp tục trong tương lai nhằm phát triển và hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

12. Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án: liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của NCS về nội dung đề tài luận án theo trình tự thời gian công bố.

13. Tài liệu tham khảo: chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận án. Tài liệu tham khảo sắp xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp). Các tài liệu nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC theo họ tên tác giả theo thông lệ của từng nước (tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự theo họ; tác giả là người Việt Nam xếp thứ tự theo tên), tên tổ chức phát hành theo thứ tự abc; tài liệu tiếng Việt đưa lên trước (theo quy định về thể thức luận án TS của Trường Đại học Hồng Đức).

14. Phụ lục: đưa vào phần phụ lục các nội dung chi tiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ thêm cho nội dung nghiên cứu của luận án do tác giả thực hiện như: mẫu phiếu điều tra, bảng tổng hợp kết quả điều tra. Số trang của phụ lục không được nhiều hơn số trang của phần chính của luận án.

4.3. Hình thức luận án

- Luận án được in trên một mặt giấy khổ A4 (210x297mm).

- Số trang của luận án không quá 150 trang (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13-14, paragraph 1.3-1.5 lines, lề trên 3.5cm, lề dưới 3cm, lề trái 3.5cm, lề phải 2cm.

- Số trang của luận án đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy, từ 1 đến hết (*bắt đầu từ phần Mở đầu*).

- Thứ tự trang của các thông tin trước phần Mở đầu (lời cam đoan, mục lục, danh mục các từ viết tắt, danh mục bảng biểu, hình vẽ...) đánh số trang theo ký hiệu bằng chữ i (i, ii, iii, iv,). Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

- Các tiêu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số, với số thứ nhất chỉ số chương. Mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất 2

tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

4.4. Tóm tắt luận án

Tóm tắt luận án được trình bày theo trình tự của luận án, phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Tóm tắt luận án không quá 24 trang (in cả 2 mặt giấy, khổ 140x210 mm), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 11-12, paragraph 1.1-1.3 lines. Lề trên, dưới, trái, phải đều là 2cm. Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình của NCS đã công bố liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Danh mục này có thể in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án.

5. Hình thức dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học như:

| | Liên quan đến CDR học phần | | | | |
|--------------------------|----------------------------|------|------|------|------|
| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |
| Tự học, tự nghiên cứu | ✓ | ✓ | | | ✓ |
| Thảo luận | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Luận án | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Trình bày bảo vệ luận án | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

| STT | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan CDR HP | Trọng số |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|-----------|
| 1 | Tiến độ và chuyên cần | Tiến độ và chuyên cần | CLO2,5 | 20% |
| 2 | Luận án | Rubric luận án | CLO1,2,3,4,5 | 50% |
| 3 | Bảo vệ luận án | Rubric bảo vệ luận án | CLO1,2,3,4,5 | 30% |
| Thang điểm | | | | 10 |

Rubric luận án

| Cấu trúc | Nội dung/hình thức | Điểm tối đa |
|--------------------|--|-------------|
| Đặt vấn đề | Nêu khái quát tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, nội dung, phạm vi, phương pháp và kết quả nghiên cứu luận án | 1,0 |
| Tổng quan tài liệu | Phân tích được các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết, những “khoảng trống” tri thức, làm cơ sở cho việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu mà luận án cần tập trung giải quyết | 1,0 |
| Cơ sở lý thuyết | Trình bày đầy đủ các lý thuyết liên quan đến vấn đề | 1,0 |

| Cấu trúc | Nội dung/hình thức | Điểm tối đa |
|------------------------|---|-------------|
| | nghiên cứu của luận án (đặc biệt là lý thuyết gốc) từ đó có sự phân tích chọn là và rút ra lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu | |
| Phương pháp nghiên cứu | Nêu được mô hình, phương pháp nghiên cứu định tính/định lượng; cách thức chọn mẫu nghiên cứu; công cụ phân tích dữ liệu... | 1,0 |
| Kết quả nghiên cứu. | Phân tích đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu từ đó tìm ra những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế làm căn cứ tin cậy đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo | 4,0 |
| Giải pháp và kiến nghị | Nêu được định hướng phát triển vấn đề nghiên cứu; Các giải pháp hoàn thiện/nâng cao/thúc đẩy vấn đề nghiên cứu | 1,0 |
| Kết luận | Khái quát những nội dung đã tìm hiểu phân tích được trong luận án | 0,5 |
| Tài liệu tham khảo | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên | 0,25 |
| Hình thức | Văn phong; bố cục; hình vẽ trong nghiên cứu được trình bày khoa học, logic theo quy định của nhà trường | 0,25 |
| Tổng điểm | | 10 |

Rubric bảo vệ trước hội đồng

| Cấu trúc | Nội dung/hình thức | Điểm tối đa |
|---|--|-------------|
| Đặt vấn đề | Nêu bật được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu | 1,0 |
| Trình bày và luận giải được các nội dung nghiên cứu | Trình bày và luận giải được các nội dung, kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học | 3,0 |
| Trả lời câu hỏi của hội đồng | Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo theo đúng quy định về cách ghi và trích dẫn tài liệu tham khảo đã nêu trên | 4,0 |
| Hình thức, tác phong, thời gian trình bày | Slide trình bày chuyên nghiệp, đẹp; tác phong trình bày và trao đổi tự tin; thời gian trình bày trong khoảng 20-30 phút | 2,0 |
| Tổng điểm | | 10 |

7. Quy định đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được công nhận kết quả học phần:

- Thái độ học tập: Nghiên cứu sinh phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo

quy định.

-Điểm đánh giá: Nghiên cứu sinh phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ Luận Án.

- Tài liệu học tập: Nghiên cứu sinh cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh nghiên cứu kỹ các Rubric đánh giá học phần để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn

Giảng viên sẽ tư vấn trực tiếp cho nghiên cứu sinh khi cần thiết tại Văn phòng Khoa Tâm lý Giáo dục, hoặc tư vấn online trong giờ làm việc.

9. Trang thiết bị

Phòng họp hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn; Có máy tính có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của học viên; Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản Quy định làm luận án tiến sĩ của Trường ĐH Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

6. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

6.1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

- Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục thạc sĩ;

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ GD&ĐT về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

6.2. Chương trình tham khảo

1/ Trường Đại học sư phạm Hà Nội

[https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/10-Khoa-QLGD-\(Roi\)-637812760091405701.pdf](https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/10-Khoa-QLGD-(Roi)-637812760091405701.pdf)

2/ Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

https://quanly.hpu2.edu.vn/center_data/hpu2.edu.vn/ps_cms_articles/file/TS_QLGD_2022.LOAN.pdf

3/ Trường Đại học giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

<http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/133>

4/ Học viện Quản lý giáo dục

<https://www.naem.edu.vn/vi/dao-tao/thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-nganh-quan-ly-giao-duc-nam-2022>

5/ De La Salle University (Philippine)

<https://www.dlsud.edu.ph/programs/coed/dpem.htm>

6/ University of Bolton (Anh)

<https://programmes.bolton.ac.uk/EDU070-E-UOB-PX/current>

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

7.1. Quy định tổ chức thực hiện

- Đào tạo hình thức chính quy.

- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho nghiên cứu sinh. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo trung bình từ 36 tháng đến 48 tháng đối với đào tạo trình độ tiến sĩ và không vượt quá 72 tháng.

+ Thời gian tối đa để nghiên cứu sinh hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

7.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường Khoa Tâm lý Giáo dục có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các

Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Trưởng Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định.

- Khoa Tâm lý Giáo dục, Bộ môn Giáo dục học chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, văn phòng phẩm...cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo.

- Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

7.3. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

- Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

7.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

7.5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

